

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 19/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28209348560	Đoàn Thị Mỹ	An	22/10/2004	Quảng Nam	31TBN14	8.7	5.0	Đạt	
2	28216205819	Phạm Thị Thuý	An	26/11/2004	Kon Tum	31THT15	9.7	7.5	Đạt	
3	27203536036	Phạm Nguyễn Hà	Anh	18/03/2003	Quảng Bình	31THT15	0.0	0.0	Không Đạt	
4	28206501074	Võ Thị	Bông	14/04/2004	Quảng Nam	31THT15	10.0	9.3	Đạt	
5	28204652010	Trần Phương	Chi	13/12/2004	Quảng Bình	31TBN14	9.7	9.5	Đạt	
6	28218144186	Lê Văn Thiên	Chiêu	18/01/2004	Đà Nẵng	31THT15	9.0	5.5	Đạt	
7	29206628485	Hồ Thị Ngọc	Dung	15/03/2005	Đà Nẵng	31TBN14	8.7	9.3	Đạt	
8	29204942250	Chế Lữ Thùy	Dương	14/06/2005	Đà Nẵng	31TBN15	9.7	7.5	Đạt	
9	29213123500	Lê Minh	Duy	20/01/2005	Quảng Ngãi	31CSC8	6.0	7.0	Đạt	
10	27217200816	Nguyễn Công	Duy	25/11/2003	Khánh Hòa	31TBN14	9.3	5.0	Đạt	
11	26205329575	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/01/2002	Đà Nẵng)	31TBN15	6.7	7.0	Đạt	
12	28206552053	Nguyễn Thùy	Duyên	28/09/2004	Quảng Ngãi	31TBN15	8.3	5.8	Đạt	
13	29204938880	Phan Lê Hương	Giang	11/10/2005	Phú Yên	31TBN15	9.3	8.0	Đạt	
14	27207280012	Nguyễn Lam	Hà	19/11/2002	Tam Kỳ	31THT15	6.3	6.8	Đạt	
15	28204646853	Vương Thị Thúy	Hà	08/10/2004	Quảng Bình	31TBN14	10.0	6.3	Đạt	
16	28212751178	Đào Thanh	Hải	03/04/2004	Đà Nẵng	31THT15	4.0	5.0	Không Đạt	
17	28204606195	Đặng Ngọc Gia	Hân	23/06/2004	Daklak	31TBN14	5.3	3.9	Không Đạt	
18	28204654731	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	24/07/2004	Quảng Nam	31TBN14	9.3	9.5	Đạt	
19	28204634390	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/09/2004	Đắk Lắk	31CBN7	5.3	3.8	Không Đạt	
20	26205241975	Trần Thu	Hằng	01/01/2002	Kon Tum	31TBN15	9.7	9.5	Đạt	
21	28209343348	Kiều Thị Thu	Hiền	03/04/2004	Quảng Nam	31TBN14	10.0	9.8	Đạt	
22	28204652600	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	22/12/2004	Quảng Nam	31TBN14	9.0	7.0	Đạt	
23	31212353349	Đặng Trần Công	Hiếu	10/08/2007	Đà Nẵng	31THT15	8.7	5.0	Đạt	
24	28218101854	Nguyễn Khánh	Hoài	18/06/2004	Quảng Bình	31TBN14	9.0	7.3	Đạt	
25	27212131491	Phan Ngô Huy	Hoàng	15/02/2003	Đà Nẵng	31TBN15	9.7	7.3	Đạt	
26	24217104921	Nguyễn Đức	Hùng	27/06/2000	Gia Lai	31THT15	7.3	5.3	Đạt	
27	28204602266	Đỗ Thị	Hương	15/10/2004	Gia Lai	31TBN14	8.7	3.5	Không Đạt	
28	28206503693	Dương Thị Diệu	Hương	15/01/2004	Quảng Trị	31TBN15	4.7	7.3	Không Đạt	
29	28206554589	Lê Thị Diễm	Hương	17/04/2004	Quảng Trị	31TBN14	5.7	3.9	Không Đạt	
30	29206661497	Nguyễn Xuân	Hương	16/12/2005	Quảng Nam	31TBN15	8.0	6.5	Đạt	
31	28202726142	Nguyễn Thị Thu	Hường	01/02/2004	Nghệ An	31THT15	8.7	5.8	Đạt	
32	28218033451	Phan Văn	Huy	19/06/2004	Đà Nẵng	31TBN15	8.3	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28218136340	Lương Văn Khoa	10/11/2004	Đà Nẵng	31TSC11	6.0	5.5	Đạt	
34	28213149335	Nguyễn Đăng Khoa	23/03/2004	Quảng Nam	31THT15	4.7	2.3	Không Đạt	
35	28204604066	Dương Thị Hà Khương	14/08/2004	Quảng Nam	31TBN15	6.3	2.8	Không Đạt	
36	28214641555	Phạm Anh Kiệt	03/08/2004	Đà Nẵng	31THT15	7.7	8.8	Đạt	
37	26215334800	Đỗ Thành Lâm	08/03/2002	Lâm Đồng	31TBN15	9.3	9.3	Đạt	
38	28206702621	Nguyễn Thị Kim Liên	09/04/2004	Gia Lai	31THT15	9.0	6.8	Đạt	
39	28204630133	Phạm Thị Tố Loan	17/11/2004	Đà Nẵng	31TBN14	9.3	8.5	Đạt	
40	28214106737	Phạm Văn Lộc	12/02/2004	Đà Nẵng	31TBN14	8.3	7.3	Đạt	
41	28216653647	Đặng Văn Luyến	28/01/2004	Đà Nẵng	31THT15	4.7	5.0	Không Đạt	
42	28204635079	Huỳnh Mai Ly	13/03/2004	Phú Yên	31THT15	8.7	8.3	Đạt	
43	28212402102	Phạm Hoàng Nhật Minh	28/08/2004	Gia Lai	31TBN15	8.7	9.5	Đạt	
44	28204150520	Nguyễn Thị Diệu My	03/05/2004	Bình Định	31TBN14	8.7	9.5	Đạt	
45	28204302323	Trịnh Thị Diễm My	25/01/2004	Đắk Lắk	31THT15	7.0	6.3	Đạt	
46	28208106350	Trần Ly Na	20/08/2004	Quảng Nam	31THT15	9.7	7.8	Đạt	
47	28206553666	Nguyễn Thị Nghị	15/10/2004	Quảng Nam	31THT15	9.3	8.6	Đạt	
48	28208032409	Huỳnh Thị Kim Ngọc	26/05/2004	Quảng Ngãi	31TBN15	7.0	7.5	Đạt	
49	28218052773	Phạm Hồng Nguyên	18/07/2004	Gia Lai	31TBN15	8.0	7.8	Đạt	
50	28208006609	Phạm Thị Thảo Nguyên	21/05/2003	Đà Nẵng	31TBN15	10.0	8.8	Đạt	
51	26215334991	Hồ Xuân Nhật	28/09/2002	Quảng Ngãi	31THT15	6.7	7.8	Đạt	
52	28204624126	Nguyễn Thị Hoài Nhi	27/07/2004	Quảng Nam	31TBN14	8.0	7.8	Đạt	
53	28218050044	Võ Quỳnh Nhi	22/01/2004	Quảng Ngãi	31TBN15	8.3	5.0	Đạt	
54	0934902718	Lưu Tâm Như	24/05/2006	Đà Nẵng	31THT15	9.0	0.0	Không Đạt	
55	27211348932	Võ Văn Nhựt	01/05/2003	Quảng Nam	31TSC8	8.3	9.3	Đạt	
56	28208128069	Trần Ngọc Sê Ny	17/02/2004	Bình Định	31THT15	9.3	6.3	Đạt	
57	28204640389	Hoàng Thị Kiều Oanh	16/02/2004	Đà Nẵng	31THT15	8.7	5.0	Đạt	
58	28204648532	Lê Thị Hoàng Oanh	21/09/2004	Đà Nẵng	31TBN14	5.3	5.0	Đạt	
59	27207200810	Trương Thị Kiều Oanh	29/05/2003	Quảng Nam	31THT15	4.7	5.0	Không Đạt	
60	28214639985	Trần Hoàng Phước	06/10/2004	Đà Nẵng	31THT15	9.7	8.3	Đạt	
61	28204302891	Lê Trần Hà Phương	12/08/2004	Quảng Trị	31SSC7	9.0	5.8	Đạt	
62	29206241205	Hoàng Thị Phụng	11/02/2004	Nghệ An	31TBN14	8.0	5.8	Đạt	
63	28214324844	Nguyễn Trần Quyết	10/01/2004	Đà Nẵng	31THT15	8.7	9.3	Đạt	
64	28208004086	Phạm Như Quỳnh	27/10/2004	Đà Nẵng	31TBN14	10.0	7.8	Đạt	
65	28206502419	Nguyễn Phan Thanh Tâm	30/07/2004	Quảng Nam	31TBN14	9.3	6.0	Đạt	
66	28206548971	Văn Thị Thanh Tâm	02/11/2004	Quảng Trị	31SSC7	7.7	7.0	Đạt	
67	28206252334	Nguyễn Thị Thanh Thanh	26/06/2004	Quảng Nam	31THT15	8.7	6.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28208152323	Trần Thị Thu	Thao	13/09/2004	Quảng Bình	31SHT6	7.3	5.3	Đạt	
69	28206554765	Lê Thị Kim	Thảo	03/02/2004	Đắk Lắk	31SSC7	5.7	7.1	Đạt	
70	28208251543	Nguyễn Thị	Thảo	06/09/2004	Đà Nẵng	31TBN15	7.0	8.8	Đạt	
71	28210205744	Phan Nhật	Thi	13/03/2004	Đak Lak	31TBN14	9.3	7.5	Đạt	
72	28214637699	Hà Nguyễn Hoàng	Thiên	14/09/2004	Quảng Nam	31TBN14	4.7	5.0	Không Đạt	
73	28214603938	Đỗ Hưng	Thịnh	02/06/2003	Nam Định	31TBN15	8.7	6.6	Đạt	
74	29204464934	Đỗ Thị Kim	Thoa	31/01/2005	Quảng Ngãi	31TBN14	9.7	6.5	Đạt	
75	28204903750	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	15/01/2004	Kontum	31TBN14	9.3	5.5	Đạt	
76	28204354109	Đinh Thị Quỳnh	Thương	28/11/2004	Đắk Lắk	31TBN14	8.3	8.0	Đạt	
77	28206704222	Trần Lê Thanh	Thúy	01/10/2004	Đà Nẵng	31TBN15	9.7	6.5	Đạt	
78	29204440016	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	09/12/2005	QUẢNG NG	31TBN15	9.7	6.8	Đạt	
79	28204651290	Nguyễn Thị Kim	Thuyền	04/06/2004	Đà Nẵng	31THT15	5.3	3.8	Không Đạt	
80	28206202189	Lê Khánh	Tiên	26/03/2004	Quảng Nam	31TBN15	9.3	6.0	Đạt	
81	28202701099	Lê Ngọc Diệu	Tiên	04/02/2004	Quảng Trị	31TBN14	9.0	8.3	Đạt	
82	28208229738	Ngô Thị Cẩm	Tiên	26/03/2004	Đà Nẵng	31THT15	8.7	5.0	Đạt	
83	28212348699	Trần Văn	Tiến	05/01/2004	Đà Nẵng	31TBN15	0.0	0.0	Không Đạt	
84	31204575101	Lê Bảo Ngọc	Trâm	11/08/2007	Đắk Lắk	31TYC13	8.7	5.0	Đạt	
85	28205053984	Lê Thị Thuý	Trang	28/08/2004	Quảng Trị	31TBN14	6.0	4.1	Không Đạt	
86	28201351998	Nguyễn Thị Thuý	Trang	11/11/2004	Quảng Nam	31THT15	5.3	5.0	Đạt	
87	28208006659	Võ Nữ Quỳnh	Trang	09/12/2004	Quảng Ngãi	31TBN14	9.3	4.0	Không Đạt	
88	28218300913	Dương Ngọc	Trí	03/01/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.0	4.3	Không Đạt	
89	28208140048	Đặng Mai	Trình	24/03/2004	Đà Nẵng	31TBN15	7.0	7.8	Đạt	
90	28206734815	Mai Thị Phương	Trình	05/12/2004	Quảng Bình	31TBN15	8.3	9.0	Đạt	
91	28208201553	Trần Huyền	Trình	30/10/2004	Quảng Nam	31TBN15	9.3	8.0	Đạt	
92	28206203096	Trần Phương Lan	Trình	19/08/2004	Quảng Nam	31TBN14	9.0	4.0	Không Đạt	
93	26212428474	Lê Thành	Trung	24/02/2002	Đà Nẵng	31TBN14	5.0	3.3	Không Đạt	
94	28213101882	Lê Trung	Tú	30/09/2004	Gia Lai	31THT15	9.3	5.3	Đạt	
95	28214628675	Lê Thiện	Tuấn	14/06/2004	Đà Nẵng	31TBN15	4.7	5.3	Không Đạt	
96	28206204439	Đặng Thị Bích	Tuyền	29/06/2004	Đắk Lắk	31TBN14	9.0	8.5	Đạt	
97	28208106242	Lê Nguyễn Khánh	Tuyền	08/02/2004	Đà Nẵng	31TBN14	9.0	7.0	Đạt	
98	29204426013	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	22/02/2005	Quảng Nam	31TBN15	8.7	7.3	Đạt	
99	28205206766	Trần Thụy Phương	Uyên	12/03/2004	Đà Nẵng	31TBN15	3.7	4.3	Không Đạt	
100	28204149854	Trần Thảo	Vân	21/05/2003	Đà Nẵng	31THT15	6.0	8.3	Đạt	
101	28209348212	Nguyễn Thị Thảo	Vi	18/04/2004	Quảng Trị	31TBN15	8.7	8.3	Đạt	
102	27214342656	Trần Thái	Vinh	11/10/2003	Đà Nẵng	31TBN15	7.7	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28218033826	Võ Bá Hiễn	Vinh	07/01/2004	Đà Nẵng	31TBN15	6.3	6.0	Đạt	
104	28214500647	Mai Anh	Vũ	15/11/2004	Thừa Thiên H	31THT15	9.0	7.1	Đạt	
105	28204103519	Bùi Thụy Tường	Vy	26/01/2004	Khánh Hoà	31TBN14	9.3	9.3	Đạt	
106	28204353588	Đào Nguyễn Hoàng	Vy	28/04/2004	Đà Nẵng	31THT15	9.0	6.5	Đạt	
107	28204753559	Hồ Nguyễn Thảo	Vy	17/03/2004	Đà Nẵng	31THT15	8.7	9.8	Đạt	
108	28204144482	Ngô Võ Yến	Vy	21/11/2004	Bình Định	31THT15	9.0	8.8	Đạt	
109	28208154245	Nguyễn Thị Ái	Xuân	03/10/2004	Quảng Nam	31TBN14	9.0	7.5	Đạt	
110	29204425783	Trần Thị Hoài	Yến	26/07/2005	QUẢNG NG	31TBN15	9.7	7.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh